| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ BÌNH MINH**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 70/2024/HNGĐ – ST
Ngày 04 - 10 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sơn M;

2. Ông Lương Phi H.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lý Ngọc Th V – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 04 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 132/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2024 về "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Kim H**, sinh năm 1983; Nơi cư trú: ấp Đ, xã Đ, Thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Trọng T**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: ấp Đ, xã Đ, Thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 4 năm 2024 và bản khai ý kiến ngày 30 tháng 7 năm 2024 chị Bùi Thị Kim H trình bày:* Vào năm 2000 chị H và anh T quen biết, cả hai có tìm hiểu nhau sau đó được sự đồng ý của gia đình hai bên nên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã B theo

số 60 ngày 01/11/2004. Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 06/12/2004 và Nguyễn Hoàng Anh K, sinh ngày 10/02/2008, cả hai không có tài sản chung và nợ chung. Quá trình chung sống, do gặp khó khăn về kinh tế nên hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trọng T.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 06/12/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết và Nguyễn Hoàng Anh K, sinh ngày 10/02/2008, chị H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng Nguyễn Hoàng Anh K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Bùi Thị Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn anh Nguyễn Trọng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét việc, chị Bùi Thị Kim H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228; điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Nguyễn Trọng T được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa

giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

[3] Xét mối quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim H và anh Nguyễn Trọng T có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị H và anh T có nhiều mâu thuẫn như: Do kinh tế khó khăn, quan điểm sống ngày càng khác nhau nên vợ chồng thường xuyên xung đột dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã, không thể hiểu cho nhau. Từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã mời hòa giải nhiều lần, nhằm giúp hai bên đoàn tụ và cho hai bên có thời gian hàn gắn tình cảm, nhưng anh, chị không trở về đoàn tụ được. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Cho chị Bùi Thị Kim H được ly hôn với anh Nguyễn Trọng T.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 06/12/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết và Nguyễn Hoàng Anh K, sinh ngày 10/02/2008, chị H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng Nguyễn Hoàng Anh K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, chị H và anh T đã ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay con chung Hà Thế D do chị L trực tiếp quản lý và nuôi dưỡng nên việc giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng sẽ đảm bảo điều kiện phát triển thể chất và học tập của con. Đồng thời, yêu cầu trên phù hợp với nguyện vọng của Nguyễn Hoàng A Kỳ được nêu trong bản tự khai.

Anh Nguyễn Trọng T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu giải quyết. Anh T không có ý kiến phản bác, không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết. Anh T không có ý kiến phản bác, không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết. Anh T không có ý kiến phản bác, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị Kim H phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc hôn nhân gia đình. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0012633, ngày 07/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, chị H không phải nộp thêm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 238 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 51; 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử,***

Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị Kim H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Kim H được ly hôn với anh Nguyễn Trọng T.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 06/12/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Giao cho chị Bùi Thị Kim H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Anh Kỳ, sinh ngày 10/02/2008. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Trọng T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết. Anh T  không có ý kiến phản bác, không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết. Anh T  không có ý kiến phản bác, không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị Kim H phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc hôn nhân gia đình. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm

ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0012633, ngày 07/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, chị H không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX Bình Minh;
- CC THADS TX Bình Minh;
- UBND xã Đông Thành, thị xã Bình Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Minh T**